

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST

Ngày: 18 - 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phú Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Trường A, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1983, tại thành phố X, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 18, ấp L 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trường Th, sinh năm 1957 và bà Phú Thị H, sinh năm 1957; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 03 anh em, bị cáo là người thứ nhất.

Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn bị cáo sống chung với cha mẹ tại phường K, thành phố X. Tháng 7 năm 2018 chuyển đến tổ 18, ấp L 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang sinh sống. Ngày 05 tháng 11 năm 2003, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 17 tháng 4 năm 2004 chấp hành xong bản án. Ngày 15 tháng 8 năm 2005, bị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang áp dụng biện pháp xử lý hành

chính đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng, đến ngày 15 tháng 8 năm 2007 chấp hành xong quyết định. Ngày 12 tháng 12 năm 2008, bị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng, đến ngày 15 tháng 12 năm 2010 chấp hành xong quyết định. Ngày 21 tháng 11 năm 2013, bị Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, đến ngày 25 tháng 9 năm 2015 chấp hành xong quyết định.

Tiền án:

- Ngày 06 tháng 5 năm 2016, bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 26 tháng 12 năm 2017 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 05 tháng 7 năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chiếm đoạt tài sản trị giá 559.000 đồng), đến ngày 27 tháng 3 năm 2019 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 24 tháng 4 năm 2020, bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chiếm đoạt tài sản trị giá 765.000 đồng), đến ngày 18 tháng 12 năm 2020 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 01 tháng 7 năm 2021, bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chiếm đoạt tài sản trị giá 510.000 đồng), đến ngày 04 tháng 6 năm 2022 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21 tháng 10 năm 2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố X. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* bà Tô Kim O, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cư trú: số 205 đường N, khóm K 7, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* ông Trần Ngọc P, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Cư trú: số 105 đường N, khóm K 7, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trường A đã bị kết án 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích. Khoảng 02 giờ ngày 17 tháng 10 năm 2022, Trường A mang theo kìm cộng lực, điều khiển xe đạp màu bạc đến khu dân cư S, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang tìm tài sản lấy trộm. Khi đi qua nhà bà Tô Kim O ở số 63 đường M, khóm K 7, phường K thấy cửa khóa ngoài, nên Trường A dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa vào trong lấy trộm 01 máy thu thanh Radio đa năng màu đỏ - đen và 01 chiếc xe đạp sườn cong màu xanh. Sau

đó, Trường A điều khiển xe đạp màu xanh của bà O đến khu phố đi bộ phường L1, thành phố X bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 700.000 đồng, còn máy thu thanh Radio thì Trường A đem cất giấu ở kệ may giày, dép của ông Trần Ngọc P trên đường N1, phường K nhưng không cho ông P biết. Đến khoảng 12 giờ 45 phút ngày 18 tháng 10 năm 2022, bà O phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an phường K trình báo.

Hành vi của Lê Trường A vào nhà bà O lấy trộm tài sản vào ngày 17 tháng 10 năm 2022 bị camera của nhà bà O ghi lại, Cơ quan điều tra đã thu giữ đoạn video này.

Đến 12 giờ ngày 21 tháng 10 năm 2022, Trường A đến Công an phường K đầu thú.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 216/KL.HĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố X xác định:

- 01 máy thu thanh Radio đa năng VTB RD6003D màu đỏ - đen trị giá 100.000 đồng.

- 01 chiếc xe đạp màu xanh không có cơ sở để xác định giá trị.

Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tô Kim O trình bày: việc bà O mất máy thu thanh và xe đạp vào ngày 17 tháng 10 năm 2022 phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Bà O đã nhận lại máy thu thanh và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Ông Trần Ngọc P trình bày: ông P làm nghề may, vá giày dép ở trên vỉa hè đường N1 (gần bến xe X cũ), phường K. Khoảng tháng 10 năm 2022, Lê Trường A thường đến gần chỗ ông P may, vá giày dép để nằm nghỉ và mượn nơi này để đồ dùng sinh hoạt cá nhân.

Tại cơ quan điều tra, Lê Trường A khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Xe đạp màu bạc là của Chung Gia G (cháu của Trường A) cho Trường A mượn sử dụng.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSLX-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố bị cáo Lê Trường A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không cung cấp thêm ý kiến, tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Lê Trường A, và đề nghị:

- Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Lê Trường A từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Tịch thu tiêu hủy vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án không còn giá trị sử dụng: 01 kìm cộng lực bằng kim loại, cán màu xanh, 01 dây băng thun có 02 đầu móc bằng kim loại, 01 bọc dây nylon; 04 bao nhựa trống; 01 cây vít; 01 nón kết; 01 áo khoác đen; 01 sạc điện thoại màu đen; 01 USB màu xanh - trắng.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 xe đạp kiểu nữ, màu trắng bạc do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập, nhưng tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Thấy rằng, quá trình điều tra, truy tố họ đã cung cấp lời khai cho cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: vào ngày 17 tháng 10 năm 2022, lợi dụng tài sản không có người trông giữ, bị cáo Lê Trường A đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản mặc dù bản thân bị cáo vẫn đang còn tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Trường A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo:

[4.1] Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo phải cần cù lao động, rèn luyện tu dưỡng để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng ngược lại, vì muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài mà không phải tốn nhiều công sức lao động hợp pháp, nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, cho dù bản thân đã nhiều lần bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản, nhận thức được rất rõ hành vi đó là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo đầu thú. Do đó, cần xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm h và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường thiệt hại: do bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên bị cáo Trường A không phải chịu trách nhiệm bồi thường.

[6] Về xử lý vật chứng: những vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và liên quan trực tiếp đến tội phạm nên cần xử lý tịch thu sung ngân sách nhà nước và tiêu hủy như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về án phí: bị cáo Trường A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Lê Trường A phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Lê Trường A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) kìm (kiềm) cộng lực bằng kim loại, cán màu xanh, mũi bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 (một) dây băng thun có hai đầu móc bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 (một) bọc dây nilon, đã qua sử dụng; 04 (bốn)

bao nhựa (loại bao đựng gạo 50kg), đã qua sử dụng; 01 (một) cây vít, đã qua sử dụng; 01 (một) nón kết, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) cục sạc điện thoại màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) USB màu xanh - trắng, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) xe đạp kiểu nữ, màu trắng bạc, có rổ (bội bằng nhựa), đang hoạt động, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X).

4. Về án phí:

Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Lê Trường A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Bị cáo Lê Trường A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ Công an tp. X (1);
- CQTHAHS Công an tp. X (1);
- CQĐT Công an tp. X (1);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người có QLNVLQ (1);
- Bộ phận THA Tòa án (4);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang